**Tuần 4**

**Tiết 13, 14, 15, 16**

**VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC**

 **Nguyễn Đình Chiểu**

**PHẦN I - TÁC GIẢ**

**I. Cuộc đời (SGK/ 56)**

**II. Sự nghiệp thơ văn.**

***1. Những tác phẩm chính:*** (Xem SGK)

**- Trước khi thực dân Pháp xâm lược:** *Truyện Lục Vân Tiên* **,**  *Dương Từ - Hà Mậu*

- Sau khi thực dân Pháp xâm lược**:**  *Chạy giặc***,** *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế Trương Định***,**  *Thơ điếu Trương Định***,**  *Thơ điếu Phan Tòng***,**  *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh, Ngư Tiều y thuật vấn đáp*

-> Thơ văn NĐC là lá cờ đầu của văn thơ yêu nước chống Pháp nửa cuối thế kỉ XIX

***2. Nội dung thơ văn***

**- Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa:**

+ Mục đích truyền dạy những bài học về đạo lí làm người chân chính.

+ Vừa mang tinh thần nhân nghĩa của đạo Nho nhưnglại rất đậm đà tính nhân dân và truyền thống dân tộc

+ Xây dựng mẫu người lí tưởng

**- Lòng yêu nước, thương dân:**

+ Tố cáo tội ác của giặc

+ Lên án những kẻ theo giặc, đầu hàng giặc

+ Ngợi ca những sĩ phu yêu nước.

***3. Nghệ thuật thơ văn.***

- Văn chương trữ tình đạo đức: vẻ đẹp thơ văn tiềm ẩn trong tầng sâu cảm xúc, suy ngẫm.

- Bút pháp trữ tình xuất phát từ cõi tâm trong sáng, nhiệt thành...

- Đậm đà sắc thái Nam bộ: Lời ăn tiếng nói mộc mạc.....

- Lối thơ thiên về kể mang màu sắc diễn xướng rất phổ biến trong VHDG Nam Bộ.

**III/ Kết luận:**

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương trong sáng, cao đẹp về nhân cách, nghị lực và ý chí, về lòng yêu nước, thương dân và thái độ kiên trung, bất khuất trước kẻ thù. Thơ văn ông là một bài ca đạo đức, nhân nghĩa, là tiếng nói yêu nước cất lên từ cuộc chiến đấu chống quân xâm lược, là thành tựu nghệ thuật xuất sắc mang đậm sắc thái Nam Bộ.

**PHẦN II: TÁC PHẨM**

**I. Tìm hiểu chung:**

***1. Hoàn cảnh sáng tác:***

 - Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An. Trận Cần Giuộc là một trận đánh lớn của quân ta diễn ra đêm 14/ 12/ 1861, hơn 20 nghĩa quân đã hi sinh anh dũng.

 -Theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, NĐC viết bài văn tế này đọc trong lễ truy điệu các nghĩa sĩ. Bài văn là tiếng khóc từ đáy lòng của tác giả và là tiếng khóc lớn của nhân dân trước sự hi sinh của những người anh hùng.

**2. Thể loại văn tế**

- **Văn tế**: loại văn gắn với phong tục tang lễ nhằm bày tỏ lòng tiếc thương với người đã mất

- **Nội dung**:

+ Kể lại cuộc đời, công đức, phẩm hạnh của người đã khuất;

+ Bày tỏ nỗi đau thương của người sống trong giờ phút vĩnh biệt.

**- Âm điệu bài văn tế** thường là bi thương, lâm li thống thiết, dùng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh.

- **Bố cục: 4 phần**.

+ Lung khởi: khái quát bối cảnh của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của ng­ười nông dân. (câu 1- 2)

+ Thích thực: Hồi tưởng lại hình ảnh và công đức người nông dân - nghĩa sĩ. (câu 3 - 15)

+ Ai vãn: Bày tỏ lòng th­ương tiếc, sự cảm phục của tác giả đối với người nghĩa sĩ. (câu 16- 28)

+ Kết: Ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ. (còn lại)

**II/ Đọc – hiểu văn bản:**

***1. Lung khởi: Bối cảnh thời đại và ý nghĩa cái chết bất tử.***

- Hỡi ơi! -> tiếng than lay động lòng người, nỗi xót xa, đau đớn trong lòng tác giả

+ “ Súng giặc đất rền “ → giặc xâm lược bằng vũ khí tối tân

+ “ Lòng dân trời tỏ” → ta đánh giặc bằng tấm lòng yêu quê hương đất nước.

-> NT đối lập nhằm thể hiện khung cảnh bão táp của thời đại, những biến cố chính trị lớn lao.

+ Mười năm công vỡ ruộng - không ai biết

+ Một trận nghĩa đánh Tây - để lại tiếng thơm muôn đời

-> Tác giả đặt giả thiết để so sánh nhằm khẳng ý nghĩa của cái chết vinh quang, cao cả.

***=> Thời kì đau thương, “khổ nhục nhưng vĩ đại”.***

***2. Phần thích thực: Hình tượng những người nông dân - nghĩa sĩ Cần Giuộc***

***a. Hoàn cảnh xuất thân:***

- Là những người nông dân nghèo khổ chất phác, cuộc đời lam lũ **“**cui cút” với bao lo toan nghèo khó.

- Họ hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao -> tạo ra sự đối lập -> tôn cao tầm vóc người nghĩa sĩ nông dân

=> Bằng nghệ thuật liệt kê (kể ra một loạt những việc người nông dân quen làm và những việc họ chưa hề biết đến), đoạn văn đã giới thiệu một cách cụ thể về nguồn gốc của nghĩa sĩ : Họ xuất thân từ nông dân cần cù, nghèo khổ, xa lạ với chiến tranh, trận mạc.

***b. Những chuyển biến về tư tưởng, tình cảm:***

***\* Tình cảm:***

- Trước khi giặc đến: Người dân lo sơ, *trông chờ* tin tức mỏi mòn rồi *thất vọng* "trông tin quan như trời hạn trông mưa".

- Khi giặc đến: Họ căm ghét, căm thù, oán giận: *ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ*; *muốn tới ăn gan*; *muốn ra cắn cổ*

**\* Nhận thức**

- Họ nhận thức đúng đắn: Đất nước ta là một quốc gia độc lập, vĩ đại *“mối xa thư đồ sộ”*

 *-* Xác định trách nhiệm của bản thân với đất nước: tự mình đứng lên trừ kẻ xâm lăng. *(há để ai chém rắn đuổi hươu).*

**\* Hành động:**

*+ Xin ra sức đoạn kình*

*+ Dốc ra tay bộ hổ*

*+ Mến nghĩa làm quân chiêu mộ*

→ tự nguyện, thể hiện ý thức trách nhiệm với sự nghiệp cứu nước và ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của người nghĩa sĩ.

**c. *Vẻ đẹp hào hùng của đội quân áo vải trong trận nghĩa đánh Tây***

- Trang bị của nghĩa quân khi vào trận: *manh áo vải, ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay*

->Liệt kê + chi tiết chân thực có sức gợi tả cao đó là những vật dụng nghèo nàn, thô sơ trong cuộc sống lao động hàng ngày đã trở thành vũ khí để nghĩa quân đánh giặc.

- Tinh thần chiến đấu của nghĩa sĩ

+ Khí thế tấn công vũ bão: động từ mạnh, dứt khoát (*đốt xong, chém rớt, đâm ngang, chém ngược*)…

 + Lòng dũng cảm phi thường: *đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ*…

🡪Tả thực, nhịp điệu dồn dập, đối, sử dụng từ chéo *(đâm ngang, chém ngược, hò trước, ó sau*)

🡪 tinh thần chiến đấu ngùn ngụt, tư thế hiên ngang lẫm liệt, làm khiếp sợ kẻ thù.

=>Nguyễn Đình Chiểu đã tạc nên tượng đài nghệ thuật sừng sững, rực rỡ về hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc.

***3. Phần ai vãn: tình cảm, cảm xúc của tác giả, của nhân dân đương thời đối với người nghĩa sĩ:***

- Những thán từ: Ôi !, ôi thôi thôi ! -> Biểu hiện nỗi đau đớn và thương tiếc vô cùng.

- Nỗi tiếc hận của người nghĩa sĩ hi sinh khi sự nghiệp còn dang dở (câu 16,24).
- Nỗi xót xa của gia đình mất người thân, nhất là nỗi đau của mẹ già, vợ trẻ (câu 25).
- Nỗi căm hờn đối với những kẻ gây ra nghịch cảnh éo le (câu 21).
- Nỗi nghẹn ngào, uất ức của cả dân tộc (câu 27).
- Nỗi đau xót bao trùm thiên nhiên, sông núi.
- Niềm cảm phục, tự hào về những người nông dân dám đứng lên hi sinh thân mình bảo vệ quê hương, gia đình (câu 19,20).
- Biểu dương công trạng của người nông dân – nghĩa sĩ (câu 26,28).

***4. Phần kết.: Ca ngợi linh hồn bất tử của nghĩa sĩ***

**- Tác giả đề cao quan niệm : “*Chết vinh còn hơn* *sống nhục”*** , nêu cao tinh thần chiến đấu, xả thân vì nghĩa lớn của nghĩa quân. Họ ra trận không cần công danh bổng lộc mà chỉ vì một điều rất giản đơn là yêu nước.

- Đây là cái tang chung của mọi người, của cả thời đại, là khúc bi tráng về người anh hùng thất thế.

**III. Tổng kết:**

“Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” của NĐC là tiếng khóc bi tráng cho một thời kì lịch sử đau thương nhưng vĩ đại của dân tộc, là bức tượng đài bất tử về người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc đã dũng cảm chiến đấu hi sinh vì Tổ quốc. Bài văn cũng là một thành tựu xuất sắc về nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật, kết hợp nhuần nhuyễn chất trữ tình và tính hiện thưc; ngôn ngữ bình dị, trong sáng, sinh động.